

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 934/QĐ-UBND

U Minh Thượng, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2026
của UBND xã U Minh Thượng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ U MINH THƯỢNG

Căn cứ Luật chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính về quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các xã;

Căn cứ Công văn 1517/UBND-KT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Công văn 3521/STC-QLNS ngày 02 tháng 5 năm 2026 của Sở tài chính tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã U Minh Thượng về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 78/TTr-KT ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2026 của xã U Minh Thượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã U Minh Thượng, cụ thể thu sau:

Tổng dự toán: 185.339.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ ba trăm ba mươi chín triệu đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước Khu vực XX - Phòng Giao dịch số 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- LĐVP; CVNC;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Dương Quốc Khởi

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số: 934 /QĐ-UBND ngày 15 /5/2026 của UBND xã U Minh Thượng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	185.339.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	1.071.000.000
2	Chi quản lý hành chính	41.569.000.000
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ:	41.569.000.000
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
3.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	105.566.000.000
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	105.566.000.000
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi bảo đảm xã hội	8.078.000.000
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.078.000.000
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi hoạt động kinh tế	15.456.000.000
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.456.000.000